

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 8 năm 2016

Số: 129 /KH-BCĐ

KẾ HOẠCH

Triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016

Tết Trung thu là thời điểm nhu cầu sử dụng các loại thực phẩm tăng đột biến cả số lượng và chủng loại, đặc biệt là các sản phẩm bánh, mứt, kẹo, bia rượu, nước giải khát... Nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) cho người dân trong dịp Tết Trung thu 2016 và thiết thực triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch số 31/KH-BCĐ ngày 03/3/2016 của Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh về vệ sinh an toàn thực phẩm về việc bảo đảm VSATTP năm 2016; Kế hoạch số 801/KH-BCĐ TƯ VSATTP ngày 10/8/2016 của Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm về việc “Triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016”.

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2016 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các loại sản phẩm thực phẩm phục vụ nhiều trong dịp Tết Trung thu. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP, giảm các sự cố liên quan đến an toàn thực phẩm.

2. Đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP trong dịp Tết Trung thu của các cấp, các ngành từ tỉnh, huyện đến xã, phường.

3. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức của người quản lý và cộng đồng trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA

1. Đối tượng thanh tra, kiểm tra

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố; tập trung ưu tiên vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như bánh, mứt, kẹo, bia, rượu, nước giải khát, thịt, sản phẩm từ thịt, thủy hải sản v.v... Trong đó, các đoàn cấp tỉnh sẽ tập trung thanh tra, kiểm tra những nơi cung cấp, phân phối thực phẩm với số lượng lớn theo phân cấp quản lý; như cơ sở sản xuất lớn, chợ đầu mối, siêu thị, cơ sở thương mại tập trung, cơ sở nhập khẩu thực phẩm; ngăn chặn, phòng ngừa cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng, quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc xuất xứ và sử dụng nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn. Các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành huyện, xã tập trung thanh tra kiểm tra các cơ sở có quy mô vừa và nhỏ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố theo hướng dẫn phân cấp hiện hành.

- Đối với công tác quản lý về an toàn thực phẩm: Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các đoàn thanh tra, kiểm tra của tuyến trên sẽ làm việc với Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP cấp huyện, thị xã, thành phố để nắm bắt tình hình thực hiện công tác bảo đảm ATTP tại các địa phương, việc triển khai các biện pháp quản lý an toàn thực phẩm, công tác thanh tra, kiểm tra ATTP tại mỗi cấp.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, tập trung kiểm tra:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với cơ sở thuộc diện phải cấp giấy);

- Công bố hợp quy/phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

- Ghi nhãn sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;

- Quảng cáo sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm;

- Điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm;

- Chất lượng sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm; nguồn gốc xuất xứ, hạn sử dụng; thực hiện việc kiểm nghiệm định kỳ sản phẩm; lưu mẫu.

- Việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATTP đối với các sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm nhập khẩu.

- Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.

b) Đối với cơ sở dịch vụ ăn uống, tập trung kiểm tra:

- Điều kiện bảo đảm ATTP (cơ sở, trang thiết bị dụng cụ, con người);

- Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm;

- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm;

- Việc lưu mẫu thức ăn;

- Việc bảo đảm nước sạch dùng cho chế biến thực phẩm;
 - Các nội dung khác có liên quan;
 - Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.
- c) Đối với cơ sở thức ăn đường phố, tập trung kiểm tra:
- Cơ sở có bảo đảm cách biệt nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm?
 - Thức ăn có được bày bán trên bàn, giá, kệ, phương tiện bảo đảm an toàn thực phẩm?
 - Kiểm tra nguyên liệu;
 - Kiểm tra dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm;
 - Kiểm tra bao gói và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;
 - Kiểm tra dụng cụ che nắng, mưa, bụi bẩn, côn trùng và động vật gây hại;
 - Kiểm tra nguồn nước phục vụ việc chế biến, kinh doanh;
 - Kiểm tra điều kiện sức khoẻ, kiến thức và thực hành của chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm;
 - Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.
- d) Đối với cơ quan quản lý về ATTP cần nắm bắt thực trạng về:
- Công tác chỉ đạo, việc triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP;
 - Công tác tuyên truyền, giáo dục các quy định, kiến thức về ATTP;
 - Việc triển khai các đoàn thanh tra, kiểm tra ATTP trong dịp Tết Trung thu.

III. PHƯƠNG PHÁP THANH TRA, KIỂM TRA

1. Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra:

Các cơ quan quản lý ATTP của tỉnh và tuyến huyện, xã thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, tiến hành thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố và nắm bắt thực trạng công tác quản lý của cấp dưới.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra:

- Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm của chủ cơ sở;
- Thu thập tài liệu liên quan;
- Kiểm tra thực tế tại cơ sở thực phẩm, kiểm tra sản phẩm thực phẩm;
- Lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu ATTP khi cần thiết;
- Lập biên bản thanh tra, kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);
- Phân tích, đánh giá hồ sơ; phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm;

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATTP tại cơ sở thực phẩm; việc triển khai công tác bảo đảm ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2016 tại địa phương; đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm ATTP trong thời gian tới, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra: kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định. Trường hợp cần thiết, các đoàn của tuyến trên khi phát hiện vi phạm có thể chuyển hồ sơ cho địa phương tại nơi có cơ sở được thanh tra, kiểm tra để xử lý và theo dõi việc khắc phục sai phạm sau khi xử lý.

2. Các đoàn thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền: xử phạt vi phạm hành chính tại địa phương có trách nhiệm xử lý các trường hợp vi phạm do mình phát hiện, do các đoàn tuyến trên bàn giao lại theo quy định của pháp luật, tuyệt đối không để thực phẩm không an toàn, không rõ nguồn gốc, không có nhãn hoặc có nhãn sai quy định hoặc chưa công bố phù hợp quy định ATTP/công bố hợp quy (đối với những sản phẩm thuộc diện phải công bố phù hợp quy định ATTP/công bố hợp quy) đã được phát hiện lưu thông trên thị trường.

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN (trước, trong, sau dịp Tết Trung thu)

1. Tổ chức các đoàn thanh kiểm tra cấp tỉnh:

Giao Sở chủ quản của các đơn vị chủ trì đoàn thanh tra, kiểm tra ban hành quyết định thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra; đơn vị nào được giao chủ trì đoàn thì sử dụng con dấu, phương tiện của ngành/đơn vị đó. Việc lấy mẫu, chỉ định kiểm nghiệm mẫu do trưởng đoàn quyết định.

Thành lập 03 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra tại 14 huyện, thị, thành phố, cụ thể:

TT	Chủ trì đoàn	Thành viên	Địa bàn
Đoàn 1	Chi cục QLTT	01 cán bộ Phòng PC 49; 02 cán bộ Chi cục QLTT; 01 cán bộ Chi cục ATVSTP; 01 cán bộ Chi cục QLCLNLS-TS.	Phía tây thành phố (theo quốc lộ 1A cũ), Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Hậu Lộc
Đoàn 2	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản, Thủy sản	01 cán bộ Phòng PC 49; 01 cán bộ Chi cục QLCLNLS-TS; 01 cán bộ Chi cục ATVSTP; 01 cán bộ Chi cục QLCLNLS-TS; 01 cán bộ Chi cục QLTT.	Quảng Xương, Lang Chánh, Sầm Sơn, Đông Sơn, Tĩnh Gia
Đoàn 3	Chi cục ATVSTP	- 01 cán bộ Chi cục ATVSTP; 01 cán bộ Chi cục ATVSTP; 01 cán bộ Chi cục QLTT; 01 cán bộ Chi cục QLCLNLS-TS; 01 cán bộ Phòng PC 49; 01 cán bộ thanh tra Sở Y tế.	Phía đông thành phố (theo quốc lộ 1A cũ); Cẩm Thủy, Yên Định, Hoàng Hóa, Nga Sơn, Thọ Xuân

2. Tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành địa phương

Phòng Y tế/TTYT tuyến huyện (Thường trực BCĐ huyện), căn cứ tình hình thực tế tại địa phương tham mưu cho UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện trên phạm vi địa bàn; hướng dẫn, yêu cầu một số nội dung trong xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với tuyến xã. Tham mưu thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tuyến huyện với sự tham gia của các ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương phối hợp với các lực lượng chức năng có liên quan; tiến hành thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố. Phối hợp với các đoàn của cấp tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở thực phẩm theo kế hoạch cụ thể của đoàn tỉnh và chủ trì tiến hành thanh tra, kiểm tra các cơ sở còn lại theo tình hình thực tế tại địa phương.

3. Thời gian thực hiện

3.1. Trước ngày 25/8/2016: Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra gửi tuyến huyện.

3.2. Trước ngày 31/8/2016: Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP các huyện xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra gửi các xã và báo cáo về Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo tỉnh (Chi cục ATVSTP).

3.3. Trước ngày 31/8/2016: Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra.

3.4. Từ ngày 31/8/2016 đến ngày 19/9/2016: Các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành cấp tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra tại các địa bàn được phân công; các địa phương thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra tiến hành thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở thực phẩm thuộc địa bàn quản lý.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành cấp tỉnh báo cáo hàng ngày về Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo để tổng hợp. Báo cáo kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra Tết Trung thu trước ngày 27/9/2016 (*Theo mẫu số 1*).

2. Các huyện báo cáo nhanh kết quả đợt thanh tra, kiểm tra về Chi cục ATVSTP trước ngày 18/9/2016; Báo cáo kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra Tết Trung thu trước ngày 27/9/2016 (*Theo mẫu số 2*).

3. Trường hợp phát hiện sự cố về ATTP (hàng hóa vi phạm về ATTP với số lượng lớn, phức tạp; cơ sở thực phẩm có hành vi vi phạm nghiêm trọng về ATTP có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến sức khỏe cộng đồng...) các đoàn thanh tra, kiểm tra cấp tỉnh và huyện có trách nhiệm báo cáo nhanh trong vòng 24 giờ về Chi cục ATVSTP để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh có biện pháp xử lý kịp thời. Thực hiện công bố thông tin theo hướng dẫn hiện hành.

Đối với các trường hợp vi phạm thuộc diện phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin, các đoàn thanh tra, kiểm tra và các đơn vị chức năng, các địa phương phải kịp thời công bố công khai vi phạm, tên tổ chức cá nhân vi phạm và các thông tin liên quan để cảnh báo cho cộng đồng.

VII. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM HẬU CẦN

1. Việc bảo đảm phương tiện xe ô tô chở các đoàn thanh tra, kiểm tra đi lại trong các địa bàn được phân công, chi phí mua mẫu, kiểm nghiệm mẫu (nếu có) do đơn vị chủ trì đoàn chịu trách nhiệm.

2. Công tác phí do cơ quan cử cán bộ tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra tự bảo đảm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016, BCĐ liên ngành VSATTP tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và nội dung, yêu cầu của Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh tại Kế hoạch này để xây dựng Kế hoạch triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016 trên địa bàn quản lý; báo cáo kết quả về văn phòng thường trực ban chỉ đạo (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) đúng thời gian quy định để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh, UBND tỉnh, Bộ Y tế và Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP Trung ương./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- BCĐ liên ngành TW-Cục ATTP (để báo cáo);
- Các sở: Y tế, NN-PTNN, Công Thương (để t/h);
- Chi cục ATVSTP (để t/h);
- Chi cục QLTT (để t/h);
- Chi cục QLCLNLS-TS (để t/h);
- PC49- CA tỉnh (để t/h);
- Đài PTTH tỉnh (để t/h);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để t/h);
- TTYT, Phòng Y tế 27 huyện (để t/h);
- Lưu: VT, VX_{sln}.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm Đăng Quyền

**MẪU 1****BÁO CÁO****Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp tết Trung thu năm 2016 do Đoàn liên ngành tỉnh thực hiện****I. Ghi nhận báo cáo của các địa phương với Đoàn liên ngành tỉnh.**

1. Công tác chỉ đạo của địa phương.
2. Công tác tuyên truyền, giáo dục.
3. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tết trung thu năm 2016.

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm do đoàn liên ngành Tỉnh phối hợp với địa phương thực hiện:

Bảng 1: Tóm tắt kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số được thanh tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý Trong đó:		
3.1	Số cơ sở vi phạm đã được xử lý ngay trong quá trình thanh tra (<i>nêu rõ hình thức xử lý</i>):		
3.2	Số cơ sở có vi phạm đã giao địa phương xử lý		

Bảng 2: Nội dung vi phạm chủ yếu tại các cơ sở thực phẩm:

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
2	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
3	Vi phạm quy định về sử dụng hoá chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về tăng cường vi chất			

	dinh dưỡng			
5	Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
6	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khoẻ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về thực hành ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
9	Vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong bảo quản phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực			

	phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thủy sản			
13	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống sử dụng làm thực phẩm			
14	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thực vật			
15	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến			
16	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình cửa hàng ăn uống, cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín			
17	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình chế biến suất ăn sẵn; căng tin kinh doanh ăn uống; bếp ăn tập thể, bếp ăn nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng; nhà hàng ăn uống			
18	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thức ăn đường phố			
19	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ			
20	Vi phạm quy định về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm			
21	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu			
22	Vi phạm quy định khác về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm			
23	Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục,			

	truyền thông về an toàn thực phẩm			
24	Vi phạm quy định về kiểm nghiệm thực phẩm			
25	Vi phạm quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về ATTP và thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ mất an toàn thực phẩm			
26	Vi phạm quy định về truy suất nguồn gốc đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn			

Bảng 3: Kết quả kiểm nghiệm mẫu do đoàn Tỉnh thực hiện

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
2	Xét nghiệm nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu tại các bảng từ 1 - 3; nêu rõ những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của từng địa phương.

IV. Đề xuất kiến nghị của đoàn và ghi nhận kiến nghị của địa phương.

(ghi cụ thể)



BÁO CÁO
Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp tết Trung thu năm 2016
do tuyến huyện thực hiện

I. Công tác chỉ đạo: (nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành Tỉnh thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.2 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất				
2	Sơ chế, chế biến				
3	Kinh doanh				
	Tổng số (1 + 2 + 3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		

	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
2	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
3	Vi phạm quy định về sử dụng hoá chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng			
5	Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
6	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khoẻ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm,			

	dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về thực hành ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
9	Vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong bảo quản phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thủy sản			
13	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống sử dụng làm thực phẩm			
14	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thực vật			
15	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến			
16	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình cửa hàng ăn uống, cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín			

17	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình chế biến suất ăn sẵn ; căng tin kinh doanh ăn uống ; bếp ăn tập thể, bếp ăn nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng ; nhà hàng ăn uống			
18	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thức ăn đường phố			
19	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ			
20	Vi phạm quy định về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm			
21	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu			
22	Vi phạm quy định khác về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm			
23	Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm			
24	Vi phạm quy định về kiểm nghiệm thực phẩm			
25	Vi phạm quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về ATTP và thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ mất an toàn thực phẩm			
26	Vi phạm quy định về truy suất nguồn gốc đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			

2	XN nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4).

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)

PHỤ LỤC 1:
Căn cứ pháp lý để thanh tra, kiểm tra

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế Quy định về điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Thông tư số 16/2012/TT-BYT ngày 22/10/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;
- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm; Thông tư số 08/2015/TT-BYT ngày 11/5/2015 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012;
- Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố;
- Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn;
- Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý;
- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;
- Thông tư số 17/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 Quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;
- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm;
- Thông tư của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương quy định về bảo đảm ATTP theo từng lĩnh vực.

PHỤ LỤC 2: **Các căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm**

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.
- Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa.
- Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.
- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 185/2013/NĐ-CP.
- Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.
- Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.
- Các văn bản khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.